TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST Ngày: 25/11/2019 Vụ án:“ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà **Trần Thị Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tố Mỹ**
Ông **Đặng Văn Đê**

-Thư ký phiên toà: Bà **Vũ Thị Thảo**–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 367/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXX – ST ngày 23/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HPT ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1988 (Có mặt)
HKTT: Tổ 13, thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Bị đơn: Ông **Phạm Văn G**, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)
HKTT và nơi cư trú: Tổ 3, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Phạm Thị T trình bày: Bà và ông G sau 01 thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung

sống với nhau bình thường. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông G cờ bạc, thường xuyên về nhà đánh đập bà. Vợ chồng bà cũng đã sống ly thân từ năm 2015 đến năm 2016, vì con cái và ông G năn nỉ hứa sẽ sữa chữa nên bà trở về chung sống nhưng ông G chứng nào tật nấy, vẫn không từ bỏ. Thời gian gần đây nhất, ông G còn đổ xăng đốt 5 mẹ con bà nhưng bà và các con chạy thoát được. Từ đó đến nay, bà và các con về nhà mẹ ruột bà sinh sống. Ông G cũng không qua lại, thăm nom chăm sóc gì mẹ con bà. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn G

- Về con chung: Có 04 con chung tên là: Phạm Trung H, sinh ngày 31/5/2007; Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/01/2009; Phạm Đức L, sinh ngày 15/4/2012 và Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 04/4/2014;

Bà yêu cầu được nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn, ông Phạm Văn G đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông G vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Lời khai của các cháu Phạm Trung H, Phạm Thị Phương T và Phạm Đức L: Ba mẹ các cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ

[4] Theo xác minh tại địa phương, nơi vợ chồng bà T, ông G sinh sống thì quá trình chung sống tại địa phương, bà T và ông G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông G có hành vi hung hãn, đánh đập bà T nhiều lần.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

[5.1] Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

[5.2] Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện "Yêu cầu ly hôn" với ông Phạm Văn G, ông G có nơi cư trú tại tổ 3, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

Ông Phạm Văn G đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng ông G vắng mặt nhiều lần không có lý do nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông G

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2006, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do bà T xuất trình nên hôn nhân của bà T, ông G là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của bà T, ông G là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật.

Theo bà T thì thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dân đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà T là do ông G cờ bạc, về nhà đánh đập mẹ con bà. Ông G không đến tòa để làm việc nên không có ý kiến. Lời khai của bà T phù hợp với xác minh của Tòa, do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà T và ông G là có thật. Nay bà T xác nhận không còn tình cảm gì với ông G nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy sự mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông G là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T

- Về con chung: Bà T và ông G có 04 con chung tên là: Phạm Trung H, sinh ngày 31/5/2007; Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/01/2009; Phạm Đức L, sinh ngày 15/4/2012 và Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 04/4/2014;

Bà T yêu cầu nuôi 04 con chung, các con chung đều có nguyện vọng ở với bà T, ông G không đến tòa nên không có ý kiến. Xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng nhằm bảo đảm sự phát triển về thể chất, tinh thần cho các cháu. Hơn nữa cháu còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao 04 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi 04 con chung nên HĐXX không xem xét

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông G không đến tòa để làm việc và bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- Án phí HNST: Bà Phạm Thị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

[1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn G

[2] Về con chung:

Bà Phạm Thị T và ông Phạm Văn G có 04 con chung tên là: Phạm Trung H, sinh ngày 31/5/2007; Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/01/2009; Phạm Đức L, sinh ngày 15/4/2012 và Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 04/4/2014;

Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung;

Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông G được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí HNST: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2019/0000806 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án thành phố Bà Rịa, bà T đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
-UBND xã T, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Mai